

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ
lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (kèm theo Phụ lục).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các nội dung sau tại Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Số thứ tự 25, 26, 27, 34, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 44 tại Phần I, Mục A, Phụ lục II;
- Số thứ tự 25, 26, 27, 34, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 44 tại Phần I, Mục B, Phụ lục II.
- Số thứ tự 4 tại Phần II, Mục A, Phụ lục II;

- Số thứ tự 4 tại Phần II, Mục B, Phụ II.

2. Bãi bỏ các nội dung sau tại Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Số thứ tự 22 Mục B, I, Phần I, Phụ lục I;
- Số thứ tự 22 Mục B, Phần II, Phụ lục I.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, CNTY, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI
BỎ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm
 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương							
1	1.003767	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	Các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Cục Chăn nuôi và Thú y	
2	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Các khoản 1, 2 và 3 Điều 21 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Cục Chăn nuôi và Thú y	
3	1.003500	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Khoản 1, và khoản 2 Điều 14 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Cục Chăn nuôi và Thú y	
4	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Khoản 4 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 03/2026/TT-	Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Gọi chung là Cơ quan

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				BNNMT ngày 13/01/2026		vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	kiểm dịch động vật cửa khẩu
5	1.003728	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	Điều 10 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	Gọi chung là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu
6	2.001568	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để	Khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 11, Điều 12 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức	Gọi chung là Cơ quan kiểm dịch động vật

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			tiêu thụ trong nước			năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	cửa khẩu
7	2.001544	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Điều 19 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền	Gọi chung là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu
8	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Điều 18 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành	Gọi chung là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa)	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.003581	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	Điều 9 Thông tư 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026	Thú y	Cơ quan có thẩm quyền (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường).	Thủ tục này được thực hiện đồng thời khi kiểm tra, cấp Chứng thư về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu (quy định tại Điều 9 Thông tư 03/2026/TT-BNNMT)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

Trước khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công), đồng thời gửi Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp không đồng ý hướng dẫn kiểm dịch, Cục Chăn nuôi và Thú y phải trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa trao đổi,

thống nhất về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam);

- Bản chụp Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES;

- Bản chụp Giấy phép nhập khẩu có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật thủy sản.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu 02 TS

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty....., đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty kiểm dịch nhập khẩu số hàng sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng	Đơn vị tính	Tên, địa chỉ cơ sở nuôi/sản xuất giống/cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm/bảo quản động vật thủy sản tại nước xuất khẩu; mã số (nếu có)	Nước xuất khẩu
1.							
2.							
...							

- Tên, địa chỉ Công ty xuất khẩu:.....

.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Tên, địa chỉ nơi cách ly kiểm dịch động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu:

.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị ghi rõ: Tên, số lượng, đơn vị tính, nước xuất khẩu, cửa khẩu nhập của từng loài động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản;

- Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

2. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản từ nước ngoài gửi về Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm thủy sản từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, Cục Chăn nuôi và Thú y xem xét tính đầy đủ, hợp lệ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gửi qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia), đồng thời gửi Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp không đồng ý phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ: Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo mẫu 06 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận;

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo mẫu 06 TS quy định tại Phụ lục V Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;
- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Tên tổ chức, cá nhân
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu 06 TS

ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn việc gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản, chi tiết như sau:

STT	Tên mẫu bệnh phẩm	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
		Tổng số		

- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....

Địa chỉ:

- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....

Địa chỉ:

- Cửa khẩu nhập/xuất:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

Tổ chức cá nhân đăng ký
 (Ký tên, đóng dấu)

3. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

Trước khi thực hiện tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công), đồng thời gửi Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp không đồng ý hướng dẫn kiểm dịch, Cục Chăn nuôi và Thú y phải trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 04 TS (mẫu 05 TS đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan) quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Hợp đồng thương mại có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản chụp Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES;

- Bản chụp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản chụp Giấy phép quá cảnh hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp (trường hợp quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động

vật thủy sản);

- Bản chụp Giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp (trường hợp tạm nhập tái xuất động vật, sản phẩm động vật thủy sản);

- Bản chụp Quyết định thành lập kho ngoại quan có xác nhận của doanh nghiệp, trường hợp thuê kho thì phải có Hợp đồng thuê kho ngoại quan có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch;

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 04 TS (mẫu 05 TS đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan) quy định tại Phụ lục V Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

....., ngày tháng năm 20.....

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT
NAM ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

- (1) Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu 05 TS

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP/XUẤT KHO NGOẠI QUAN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Tên khoa học	Số lượng ¹	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
Tổng số					

- Từ Công ty:.....

Địa chỉ:

.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:..... Giấy phép số.....ngày...../...../.....,thời hạn:.....*hoặc* Hợp đồng thuê kho ngoại quan số:.....ngày...../...../....., thời hạn:.....

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

4. Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước khi gửi/nhận mẫu bệnh phẩm, chủ hàng gửi Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện như sau:

- Kiểm tra văn bản chấp thuận của Cục Chăn nuôi và Thú y và các giấy tờ khác có liên quan; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu bệnh phẩm;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện việc kiểm tra mẫu bệnh phẩm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với lô mẫu bệnh phẩm có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y: được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định.

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận vận chuyển: bản điện tử qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công và bản giấy trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

- Số lượng Giấy chứng nhận vận chuyển cấp: 02 bản (01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu, 01 bản gửi chủ hàng).

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Công dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện việc kiểm tra mẫu bệnh phẩm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với lô mẫu bệnh phẩm có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y: được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật

cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:
5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:
6. Nước quá cảnh (nếu có):.....
7. Cửa khẩu xuất:
8. Cửa khẩu nhập:
9. Phương tiện vận chuyển:
10. Mục đích sử dụng:
11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....
ngày...tháng...năm.....
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):
14. Thời gian kiểm dịch:
15. Địa điểm giám sát (nếu có):
16. Thời gian giám sát:
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:
18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):.....
.....
.........., ngày tháng năm
CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**Ghi chú:**

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;
- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);
- (1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) Animal Quarantine Officer (Signature, full name)	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)
---	--



Mẫu 15 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN NHÂN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Số:/CN-NMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu:

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhân mẫu:

Tel: Fax: Email:

STT	Loại mẫu	Loài động vật thủy sản/ Tên khoa học	Số lượng
		Tổng số (Total)	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói: Số lượng bao gói:

Cửa khẩu nhập: Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên đồng vật ký tên dưới đây chứng nhận:

Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Giấy này làm tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

5. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

- Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thực hiện nội dung kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện như sau:

- Kiểm tra lâm sàng đối với động vật thủy sản, kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật thủy sản, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- Thực hiện theo các nội dung yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có).

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch

- Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

Trường hợp chủ hàng hoặc nước nhập khẩu không yêu cầu kiểm dịch, chủ

hàng phải thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 (chi tiết thực hiện theo thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh).

Bước 5. Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật tại cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện như sau:

- Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- Xác nhận đã kiểm tra vào Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu theo yêu cầu của chủ hàng.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;
- Văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);
- Bản chụp có xác nhận của doanh nghiệp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật thủy sản;
- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.
- Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu
 ☐ Kho ngoại quan
 ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu
 ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất
 ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10. Mục đích sử dụng:

11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....

.....ngày...tháng...năm.....

12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):.....
.....
.........., ngày tháng năm
CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**Ghi chú:**

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;
- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);
- (1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 09 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
Số:/CN-KDTSXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: Name and address of exporter: Tel: Fax: Email:				
Tên, địa chỉ người nhận hàng: Name and address of consignee: Tel: Fax: Email:				
STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng Quantity	Trọng lượng Net weight
Tổng số (Total)				
Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (Human consumption) ☐ Làm giống (Transplantation: Egg, Gametes etc) Use: ☐ Làm cảnh (Ornamental) ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm (Research & laboratory) ☐ Khác (Other):				
Quy cách đóng gói: Type of packaged:		Số lượng bao gói: Number of packaged:		
Nước/địa phương xuất hàng:/..... Exporting country/locality:		Cửa khẩu xuất: Declared point of exit:		
Phương tiện vận chuyển: Means of transport:		Nước nhập hàng: Importing country:		
CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH HEALTH CERTIFICATE				
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that: ☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh. The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases: ☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.				
Giấy có giá trị đến:/...../..... Valid up to		Giấy này làm tại ngày/...../..... Issued at on		
Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) Animal Quarantine Officer (Signature, full name)		THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)		

6. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Khai báo kiểm dịch

Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập chủ hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Hồ sơ gồm:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu; Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu.

Bước 3: Thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

*** Đối với động vật thủy sản nhập khẩu**

- Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

- Trường hợp động vật thủy sản khỏe mạnh, không có dấu hiệu mắc bệnh, hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật thủy sản nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số

03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa về nơi cách ly kiểm dịch. Hình thức cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật thủy sản nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: lấy mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: chỉ lấy mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh nếu phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Trường hợp động vật thủy sản chưa lấy mẫu tại cửa khẩu nhập thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại nơi cách ly kiểm dịch;

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu**

- Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

- Trường hợp đáp ứng yêu cầu, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 để chủ hàng vận chuyển về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho phải bảo đảm điều kiện bảo quản hàng hóa). Việc cấp Giấy chứng nhận vận chuyển về nơi cách ly kiểm dịch được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng hóa thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh phải được lưu giữ tại

cửa khẩu nhập đến khi có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra nhưng phải kiểm tra hồ sơ khai báo và thực trạng hàng hoá: Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hoá đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra thực trạng hàng hoá, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu;

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra, chỉ kiểm tra hồ sơ khai báo: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 sau khi kiểm tra hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đạt yêu cầu;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì thực hiện theo điểm a khoản này;

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nơi đến qua môi trường điện tử các thông tin: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng hóa ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

* Trường hợp phát hiện lô hàng nhập khẩu có chỉ tiêu được kiểm tra, xét

nghiệm không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, yêu cầu điều tra nguyên nhân, có hành động khắc phục và báo cáo cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra

nhưng phải kiểm tra hồ sơ khai báo và thực trạng hàng hoá: Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hoá đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra thực trạng hàng hoá, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu;

- Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra, chỉ kiểm tra hồ sơ khai báo: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 sau khi kiểm tra hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đạt yêu cầu;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì thời gian giải quyết thực hiện theo quy định đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số

283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;
- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10. Mục đích sử dụng:

11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....

.....ngày...tháng...năm.....

12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 10 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**
Số:/CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận (2):

- Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
 - Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:
 - Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
 - Được phép vận chuyển số hàng trên về:
- Địa chỉ:

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

- Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày/...../.....
- Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
- Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại, ngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Kích thước cá thể đối với thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản;
- Kiểm dịch viên gạch ngang những nội dung không thực hiện.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 11 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số:/CN-KDTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản:Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Vùng/nước xuất khẩu:/.....Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Nơi chuyển đến:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên (2):

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bao quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

...../.....ngày...../...../..... của(3)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:

.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

Cấp tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;
- (2) Kiểm dịch viên gạch ngang những nội dung không thực hiện;
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

7. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Khai báo kiểm dịch

Khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không vì mục đích kinh doanh, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- Kiểm tra điều kiện nuôi nhốt động vật thủy sản; bao gói, bảo quản sản phẩm động vật thủy sản;
- Trường hợp phát hiện loài thủy sản không có trong Danh mục các loài thủy sản nhập khẩu thông thường, động vật thủy sản mắc bệnh, sản phẩm động vật thủy sản có biểu hiện biến chất thì tiêu hủy hoặc trả về nước xuất khẩu;
- Sau khi kiểm tra, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh, được nuôi giữ theo quy định; sản phẩm động vật thủy sản được bao gói, bảo quản theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu
 ☐ Kho ngoại quan
 ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu
 ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất
 ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10. Mục đích sử dụng:

11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....

.....ngày...tháng...năm.....

12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 11 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số:/CN-KDTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản:Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu:/.....Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Nơi chuyển đến:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên (2):

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bao quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

...../.....ngày...../...../..... của(3)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

Cấp tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;
- (2) Kiểm dịch viên gạch ngang những nội dung không thực hiện;
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

8. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện – Mã số TTHC: 2.001558

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua đường bưu điện, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch xuất khẩu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Đối với động vật thủy sản: Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Đối với sản phẩm động vật thủy sản: Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu:

- + Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- + Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- + Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện nhốt giữ thủy sản, bao gói sản phẩm thủy

sản theo quy định, niêm phong hoặc đánh dấu hàng gửi; xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Bản chụp có xác nhận của doanh nghiệp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật thủy sản;

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

- Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.

- Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý

chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:
2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:
3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:
5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:
6. Nước quá cảnh (nếu có):.....
7. Cửa khẩu xuất:
8. Cửa khẩu nhập:
9. Phương tiện vận chuyển:
10. Mục đích sử dụng:
11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....
.....ngày....tháng....năm.....
12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):
14. Thời gian kiểm dịch:
15. Địa điểm giám sát (nếu có):
16. Thời gian giám sát:
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:
18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 09 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
Số:/CN-KDTSXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: Name and address of exporter: Tel: Fax: Email:				
Tên, địa chỉ người nhận hàng: Name and address of consignee: Tel: Fax: Email:				
STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng Quantity	Trọng lượng Net weight
Tổng số (Total)				
Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (Human consumption) ☐ Làm giống (Transplantation: Egg, Gametes etc) Use: ☐ Làm cảnh (Ornamental) ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm (Research & laboratory) ☐ Khác (Other):				
Quy cách đóng gói: Type of packaged:			Số lượng bao gói: Number of packaged:	
Nước/địa phương xuất hàng:/..... Exporting country/locality:			Cửa khẩu xuất: Declared point of exit:	
Phương tiện vận chuyển: Means of transport:			Nước nhập hàng: Importing country:	
CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH HEALTH CERTIFICATE				
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that: ☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh. The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases: ☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.				
Giấy có giá trị đến:/...../..... Valid up to			Giấy này làm tại ngày/...../..... Issued at on	
Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) Animal Quarantine Officer (Signature, full name)			THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)	

9. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Khai báo kiểm dịch

Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu, hồ sơ gồm:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập vào kho ngoại quan như sau:

- Thực hiện theo các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 16 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026, cụ thể:

- + Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa;

- + Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- + Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

- + Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

- Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 để chủ

hàng vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan. Hình thức cấp Giấy chứng nhận vận chuyển: Bản điện tử trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Tại kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan giám sát việc chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

Bước 4: Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng gửi hồ sơ kiểm dịch theo quy định sau:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước, hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026, cụ thể:

+ Bản đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

+ Bản chụp mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa trao đổi, thống nhất về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam);

+ Bản chụp Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES;

+ Bản chụp Giấy phép nhập khẩu có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật thủy sản.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản tái xuất khẩu, gửi theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 5: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

- Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước (thực hiện theo thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước);

- Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu, Giấy chứng nhận kiểm dịch cấp theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 (thực hiện theo thủ tục hành chính:

Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam);

- Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng trong trường hợp xuất kho ngoại quan để tiêu thụ trong nước hoặc giao lại cho chủ hàng trong trường hợp hàng tái xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Khai báo kiểm dịch trước khi hàng đến cửa khẩu

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

+ Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

+ Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c.2. Xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan để tiêu thụ trong nước

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

+ Bản chụp mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa trao đổi, thống nhất về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam);

+ Bản chụp Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES;

+ Bản chụp Giấy phép nhập khẩu có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật thủy sản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c.3. Xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan để tái xuất khẩu

- Thành phần hồ sơ: Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật để tiêu thụ trong nước:

+ Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra nhưng phải kiểm tra hồ sơ khai báo và thực trạng hàng hoá: Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hoá đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra thực trạng hàng hoá, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu;

+ Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra, chỉ kiểm tra hồ sơ khai báo: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 sau khi kiểm tra hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đạt yêu cầu;

+ Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

+ Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì thời gian giải quyết thực hiện theo trường hợp đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ việt nam (trường hợp tái xuất khẩu): Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa đạt yêu cầu, trong 01 ngày làm việc Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ việt nam theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu 02 TS

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU
 ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty....., đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty kiểm dịch nhập khẩu số hàng sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng	Đơn vị tính	Tên, địa chỉ cơ sở nuôi/sản xuất giống/cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm/bảo quản động vật thủy sản tại nước xuất khẩu; mã số (nếu có)	Nước xuất khẩu
1.							
2.							
...							

- Tên, địa chỉ Công ty xuất khẩu:.....

.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Tên, địa chỉ nơi cách ly kiểm dịch động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu:

.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị ghi rõ: Tên, số lượng, đơn vị tính, nước xuất khẩu, cửa khẩu nhập của từng loài động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản;

- Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu
 ☐ Kho ngoại quan
 ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu
 ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất
 ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10. Mục đích sử dụng:

11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....

.....ngày....tháng....năm.....

12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):.....
.....
.........., ngày tháng năm
CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**Ghi chú:**

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;
- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);
- (1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 10 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số:/CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận (2):

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:
3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
4. Được phép vận chuyển số hàng trên về:

Địa chỉ:

.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

- 1) Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày/...../.....
- 2) Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
- 3) Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(3) Kích thước cá thể đối với thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản;

(4) Kiểm dịch viên gạch ngang những nội dung không thực hiện.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 11 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số:/CN-KDTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản:Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Nơi chuyển đến:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên (2):

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bao quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

...../.....ngày...../...../..... của(3)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:

.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

Cấp tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;
- (2) Kiểm dịch viên gạch ngang những nội dung không thực hiện;
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

Địa chỉ:.....

Address:

Điện thoại:.....Fax:.....

Telephone and Fax number:

E.mail:



NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 12 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM
NHẬP TÁI XUẤT, CHUYÊN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

HEALTH CERTIFICATE

FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL’S PRODUCTS THROUGH VIET NAM’S TERRITORY

Số:/CN-TSTNTX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of consignor:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS

STT <i>Number</i>	Tên thương mại <i>Trade name</i>	Tên khoa học <i>Scientific name</i>	Số lượng bao gói <i>Number of packaged</i>	Số lượng/Trọng lượng <i>Quantity/net weight</i>
	Tổng số (Total)			

Nhiệt độ bảo quản/ *Preservation temp.*: Thường/*Ambient* ☐
lạnh/*Chilled* ☐ Đông lạnh/ *Frozen* ☐

Đông lạnh/ *Frozen* ☐

Uớp Số lương Container:

Number of Containers:

Cửa khẩu nhập:

Gate of entry:

Cửa khẩu xuất:

Gate of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /

The duration of transport or storage in Vietnam: From to

Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam:Biển kiểm soát.....

Means of transport in Vietnamese territory

Register number

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION

Tôi, kiểm dịch viên đồng vật ký tên dưới đây chứng nhân:

I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu về sinh thú;

Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal's product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;

3/ Các chất thải, chất đôn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

Waste and related tools have been treated in accordance to requirements:

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Means of transport meet veterinary hygiene requirements and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAM TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses of aquatic animals during transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy thủy sản có biểu hiện mắc bệnh/sản phẩm thủy sản có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of aquatic animals disease/aquatic animal's products decayed shall be reported to the nearest Veterinary agency authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of Veterinary ordinance during transport in Vietnamese territory.

Cấp tại:.....

Place of issue:

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Valid up to

Ngày cấp:...../...../.....

Date of issue:

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỦA KHẨU XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT THE GATE OF EXIT

[illegible]

....., ngày...../...../.....

Place and Date

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

10. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Khai báo kiểm dịch

Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y, trước khi hàng đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu, hồ sơ gồm:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Tại cửa khẩu nhập, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026. Hình thức cấp giấy chứng nhận kiểm dịch bản điện tử trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

- Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản được vận chuyển

bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch; Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu giao lại cho chủ hàng.

Bước 4: Tại cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

- Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp tại cửa khẩu nhập thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- Động vật, sản phẩm động vật đã đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh động vật mắc cảm với loài động vật đó;
- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ;
- Động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp thay đổi cửa khẩu xuất khi lô hàng đã đến cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu dự kiến tái xuất ban đầu xác nhận về việc đồng ý chuyển sang cửa khẩu khác nếu cửa khẩu tái xuất đã được Cục Chăn nuôi và Thú y chấp thuận trong văn bản hướng dẫn kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;
- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa) hoặc

bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

- Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa đạt yêu cầu, trong 01 ngày làm việc Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật bao gồm cả thủy sản: Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện:

Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam; trường hợp cần thay đổi lộ trình vận chuyển hoặc thay đổi cửa khẩu thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

- Không tự ý bóc dỡ hàng, tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; trong trường hợp cần thay đổi phương tiện vận chuyển thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

- Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, dụng cụ chứa đựng phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý tại địa điểm theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 03 TS

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
 Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số căn cước/số Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- ☐ Xuất khẩu ☐ Kho ngoại quan ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)...
☐ Nhập khẩu ☐ Quá cảnh
☐ Tạm nhập tái xuất ☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất khẩu
			Tổng số			

1. Cơ sở sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10. Mục đích sử dụng:

11. Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số.....

.....ngày....tháng....năm.....

12. Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13. Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:

15. Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

18. Số, ngày vận tải đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá, đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian được khai báo và chỉ sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

....., ngày tháng năm
CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;
- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);
- (1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

Địa chỉ:.....

Address:

Điện thoại:.....Fax:.....

Telephone and Fax number:

E.mail:



NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 12 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM
NHẬP TÁI XUẤT, CHUYÊN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

HEALTH CERTIFICATE

FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL’S PRODUCTS THROUGH VIET NAM’S TERRITORY

Số:/CN-TSTNTX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of consignor:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS

STT <i>Number</i>	Tên thương mại <i>Trade name</i>	Tên khoa học <i>Scientific name</i>	Số lượng bao gói <i>Number of packaged</i>	Số lượng/Trọng lượng <i>Quantity/net weight</i>
			Tổng số (Total)	

Nhiệt độ bảo quản/ *Preservation temp.*: Thường/*Ambient* ☐
 lạnh/*Chilled* ☐ Đông lạnh/*Frozen* ☐

Đông lạnh/ *Frozen* ☐

Ước Số lượng Container:

Number of Containers:

Cửa khẩu nhập:

Gate of entry:

Cửa khẩu xuất:

Gate of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /

The duration of transport or storage in Vietnam: From to

Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam:Biển kiểm soát.....

Means of transport in Vietnamese territory

Register number

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu về sinh thú;

Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal's product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;

3/ Các chất thải, chất đôn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

Waste and related tools have been treated in accordance to requirements:

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Means of transport meet veterinary hygiene requirements and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:
Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vớt chất thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses of aquatic animals during transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy thủy sản có biểu hiện mắc bệnh/sản phẩm thủy sản có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of aquatic animals disease/aquatic animal's products decayed shall be reported to the nearest Veterinary agency authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of Veterinary ordinance during transport in Vietnamese territory.

Cấp tại:.....

Place of issue:

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Ngày cấp:...../...../.....

Valid up to

Date of issue:

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỦA KHẨU XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT THE GATE OF EXIT

[illegible]

....., ngày...../...../.....

Place and Date

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đăng ký kiểm dịch

Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thực hiện kiểm dịch và trả lời kết quả

*** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời hoặc tại bể, ao ương dưỡng con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở thu gom, kinh doanh.

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;
- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo; kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư

điện tử và nêu rõ lý do;

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện.

*** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.**

Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

- Thực hiện (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026) kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo; kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026): bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến (theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026) ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện.

*** Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công**

bồ dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- + Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- + Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;
- + Thực hiện (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026) kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo; kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- + Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến (theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026) ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện.

- Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý khác bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch. Việc kiểm dịch thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

*** Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật thủy sản.

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản;
- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;
- Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026):

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Công dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

+ Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Công dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

- Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến (theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026) ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện.

b) Cách thức thực hiện: qua Công dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bản đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 01 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

+ Đối với trường hợp kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

+ Đối với các trường hợp khác: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa (Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch

vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

Bản đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 01 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;
- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 01 TS

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
 VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ĐKKD-VCTS

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Số căn cước/số Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	ĐVT	Số lượng
			Tổng số		

Tổng số viết bằng chữ:

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản; mã số (nếu có):

Điện thoại: Fax: E.mail:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng/Trọng lượng:

2/Số lượng/Trọng lượng:

3/Số lượng/Trọng lượng:

Phương tiện vận chuyển:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....
- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....
- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....
-

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Công dịch vụ công).

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 07 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KDTSVC

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Di động: Fax:
Vận chuyển số hàng sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số (viết bằng chữ):
Mục đích sử dụng:
Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:
Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế/ bảo quản:
Địa chỉ:
Mã số cơ sở (nếu có):
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại: Di động: Fax:
Nơi đến cuối cùng:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng: Trọng lượng:
2/ Số lượng: Trọng lượng:
3/ Số lượng: Trọng lượng:
Các vật dụng khác có liên quan:
Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- 1/ Số hàng trên có nguồn gốc từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:
2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát/Sản phẩm động vật thủy sản được lấy từ động vật thủy sản khỏe mạnh, được sơ chế, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định.
3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo phiếu kết quả kiểm tra, xét nghiệm số: ngày...../...../..... của.....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).
4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:
5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

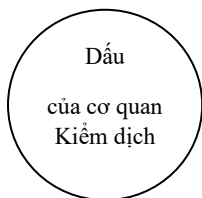
Cấp tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Kích thước cá thể (đối với động vật thủy sản giống)/Dạng sản phẩm (đối với sản phẩm động vật thủy sản);
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.



**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 08 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**
Số:/CN-KDTSVC-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):
Địa chỉ giao dịch:
Điện thoại: Di động: Fax:
Vận chuyển số hàng sau:

STT	Tên hàng	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số (viết bằng chữ):
Mục đích sử dụng:
Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:
Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế/ bảo quản:
Địa chỉ:
Mã số cơ sở (nếu có):
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại: Di động: Fax:
Nơi đến cuối cùng:
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):
1/ Số lượng: Trọng lượng:
2/ Số lượng: Trọng lượng:
3/ Số lượng: Trọng lượng:
Các vật dụng khác có liên quan:
Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- Số hàng trên có nguồn gốc từ vùng cơ sở an toàn với các bệnh:
- Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát/Sản phẩm động vật thủy sản được lấy từ động vật thủy sản khỏe mạnh, được sơ chế, chế biến, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định.
- Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả kiểm tra, xét nghiệm số:/ngày...../20..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).
- Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:
- Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến:/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Kích thước cá thể (đối với động vật thủy sản giống)/Dạng sản phẩm (đối với sản phẩm động vật thủy sản);
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.